

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HS-ST
Ngày 06 - 01 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Quàng Thị Hương và bà Bùi Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Phương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Cầm Văn Chiến, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn A, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1976 tại huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Vũ Văn N (đã chết) và bà Phạm Thị M; có vợ là Nguyễn Thị T và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2021 cho đến nay; có mặt.

2. Lâm Thị B, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1977 tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Tổ 6A, Thị trấn nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lâm Quang H và bà Đinh Thị N; có chồng là Trần Vĩnh C và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/7/2021 đến ngày 12/11/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn: Bảo lãnh cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn A: Ông Lê Anh N, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Nam Bình, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có đơn xin xét xử

vắng mặt, có gửi bản luận cứ bào chữa cho bị cáo Vũ Văn A;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người làm chứng:*

Quàng Văn Thanh, Lò Văn Tinh, Tòng Văn Nhất, Tòng Văn Thành, Lò Văn Ngọc, Lò Văn Thủy, Quàng Văn Hồng, Quàng Văn Sáng, Lò Văn Khay, Tòng Văn Hình, Quàng Văn Vui, Lò Văn Xuân; đều trú tại địa chỉ: Bản Tôm, xã Nậm É, huyện Quỳnh Nhai, Sơn La;

Trương Văn Dũng; địa chỉ: Thôn Đông Nam, xã Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;

Mùi Văn Huân, Đinh Văn Quê, Đinh Văn Phiền, Mùi Văn Điệp, Đinh Văn Vũ, Đinh Văn Kiên, Cầm Văn Việt; đều trú tại địa chỉ: Bản Khoang Tuồng, xã Suối Bàng, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La;

Mùi Văn Mừng; địa chỉ: Bản Bó, xã Suối Bàng, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La;

Mùi Văn Chùng; địa chỉ: Bản Co Hó, xã Song Khủa, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La;

Đinh Quang Thắng; địa chỉ: Bản Ún, xã Song Khủa, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La;

Đinh Văn Tuấn; địa chỉ: Bản In, xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La;

Phàng A Dền; địa chỉ: Bản Suối Cải, xã Chim Vàn, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La;

Vì Văn Tuyển; địa chỉ: Tiểu khu 1, xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;

Nguyễn Xuân Duy; địa chỉ: Đội 3, khu dân cư Tổng Xá, phường Thái Thịnh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;

Nguyễn Văn Huân; địa chỉ: Ngách 1/234, đường Quang Trung, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;

Trần Văn Tùng; địa chỉ: Khu dân cư Sơn Khê, phường Thái Thịnh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;

Trần Trung Thành; địa chỉ: Khu Nam Hà, phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;

Những người làm chứng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/11/2020, Tổ công tác của Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Sơn La phối hợp với Công an huyện Phù Yên, Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, kiểm tra hành chính tại khu vực đồi Phú Mỏ thuộc bản In, xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La phát hiện 01 khu vực khai thác than. Tại thời điểm kiểm tra không có công nhân khai thác, tại lán công nhân có ông Đinh Văn Ấn được Vũ Văn A thuê trông coi khu vực khai thác. Qua kiểm tra phát hiện: khu khai thác có hai hầm khai thác than, tại vị trí gần một cửa hầm có một đồng than; một bãi chứa than cách lán công nhân khoảng 30 mét; trong lán công nhân có 01 hòm sắt được khóa bằng khóa Việt Tiệp (*ông Ấn khai chìa khóa do A giữ*), tiến hành phá khóa kiểm tra phát hiện bên trong hòm có 810 vật hình trụ gắn dây điện nghi là kíp nổ điện, 2 cuốn sổ có chữ viết tay ghi nội dung liên quan đến việc khai thác than, 01 (*một*) cuộn dây điện (*loại 02 dây, một dây màu xanh, một dây màu trắng*) dài 25m; phía sau lán có chôn 02 thùng phuy nhựa màu xanh, có thiết kế ổ khóa (*ông Ấn khai chìa khóa do A giữ*), phá khóa phát hiện bên trong một thùng phuy có nhiều vật hình trụ, dạng thỏi, màu nâu nghi là thuốc nổ có tổng trọng lượng khoảng 35kg, tại hiện trường khu khai thác còn phát hiện nhiều máy móc, phương tiện đã qua sử dụng phục vụ khai thác than gồm: 01 (*một*) ô tô tải nhãn hiệu HOAMAI, màu xanh, BKS 23C-030.37; 01 (*một*) máy xúc hiệu VOLVO EC55B, màu vàng không có biển kiểm soát; 05 (*năm*) máy khoan điện (*02 máy khoan đều gắn mũi khoan dài 01m*), 08 (*tám*) mũi khoan xoắn bằng sắt, mỗi chiếc dài 1,2m; 10 (*mười*) mũi khoan xoắn bằng sắt, mỗi chiếc dài 01m; 02 (*hai*) bộ tời và máy nổ; 02 máy phát điện; 02 (*hai*) thuyền sắt dùng để vận chuyển than. Tổ công tác đã lập biên bản, tạm giữ số tang vật, máy móc thiết bị trên. Sau khi tiến hành điều tra, xác minh ban đầu, xác định có dấu hiệu của tội phạm “*Tàng trữ trái phép vật liệu nổ*” ngày 18/11/2020, Phòng Cảnh sát môi trường đã bàn giao hồ sơ, vật chứng cho Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Sơn La để tiến hành điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập, ngày 07/12/2020, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Sơn La đã Quyết định khởi tố vụ án hình sự “*Tàng trữ trái phép vật liệu nổ*” đối với Vũ Văn A. Ngày 02/7/2021, Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội “*Vi phạm các quy định về khai thác tài nguyên*” đối với Vũ Văn A và Lâm Thị B.

Ngày 02/12/2020, Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Sơn La đã ra Quyết định trưng giám định số 437/QĐ-ANĐT, trưng cầu giám định đối với số vật chứng nghi là vật liệu nổ đã thu giữ ngày 03/12/2020

Kết luận giám định số 3730/C09-P2, ngày 03/12/2020 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận vật chứng thu giữ là vật liệu nổ (*Thuốc nổ công nghiệp Amônít thường dùng trong khai khoáng, mở đường và kíp nổ điện vỏ nhôm, kíp có tác dụng kích nổ thuốc nổ*).

Ngày 26/3/2021, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Sơn La đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 14/QĐ-ANĐT, giám định đối với 07 đoạn dây điện gồm: (04) đoạn dây điện màu đỏ; (03) đoạn dây điện màu vàng khi truy tìm tại các đồng than tại hiện trường so với 810 kíp nổ điện thu tại hiện trường; Ngày 01/4/2021, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an

Kết luận giám định số 2444/C09-P2 ngày 01/4/2021 Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: Mẫu gửi giám định đều là dây cuống kíp; Cùng loại với dây cuống kíp của mẫu M1 (*kíp nổ điện K8*).

Ngày 23/12/2020, Cơ quan An ninh điều tra đã ra Quyết định số 482/QĐ-ANĐT, trưng cầu Bộ Tài nguyên và Môi trường giám định, xác định khối lượng, trọng lượng, chất lượng, loại khoáng sản đối với 3 đồng khoáng sản (than) thu giữ tại hiện trường.

Ngày 23/4/2021, Tổ Giám định viên, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có kết luận giám định: 03 đồng khoáng sản thuộc loại than cám 3c; Tổng thể tích là 872,86 m³; tổng trọng lượng là 1.344,20 tấn. Ngày 19/5/2021, Tổ giám định có văn bản đính chính kết luận về trọng lượng 03 đồng than là 783,82 tấn (*do kết luận giám định trước chưa xem xét đầy đủ các chỉ số liên quan đến xác định tỉ trọng của than*).

Căn cứ kết quả giám định ngày 21/5/2021, Cơ quan An ninh điều tra đã có văn bản yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Sơn La định giá đối với 783,82 tấn than cám 3c.

Kết luận định giá số 10/KL-HĐĐG, ngày 16/6/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Sơn La kết luận: Than cám 3c có giá 2.237.760 đồng/tấn (*Hai triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi đồng/tấn*), Tổng trọng lượng tài sản định giá 783,82 tấn (*03 đống*). Giá trị tài sản định giá trong tố tụng là 783,82 tấn x 2.237.760 đồng/tấn = 1.754.001.043 đồng (*Một tỷ bảy trăm năm mươi tư triệu không trăm linh một nghìn không trăm bốn mươi ba đồng*).

Quá trình điều tra, Vũ Văn A và Lâm Thị B khai nhận: Khoảng tháng 5/2019, Lâm Thị B tìm hiểu và biết đất nương thuộc khu vực đồi bản In của gia đình anh Đinh Văn Dũng, tại bản In, xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La có vỉa than có thể khai thác được, nên đã nhờ Nguyễn Văn Huy là cán bộ Trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La liên hệ với Dũng để thuê đất nương,

mục đích khai thác than. Huy đã liên hệ với Dũng và hẹn gặp tại lán của Huy gần công viên 02/9 huyện Phù Yên, tại đây gồm có Huy, B, Dũng và vợ Dũng là Hà Thị Thơ; Sau khi bàn bạc hai bên thống nhất Lâm Thị B sẽ khảo sát, thăm dò tại vị trí nương của Dũng và phải trả cho Dũng số tiền 5.000.000 đồng.

Sau khi khảo sát xác định vị trí đất nương của Đình Văn Dũng có thể khai thác than được, nên hai bên đã thỏa thuận thuê đất của Dũng với giá 50.000.000 đồng. Ngày 16/5/2019, B, Huy gặp vợ chồng Dũng và B trả cho Dũng 30.000.000 đồng, còn nợ lại 25.000.000 đồng (*gồm 20.000.000đ tiền thuê đất và 5.000.000đ tiền thỏa thuận với Dũng cho B khi khảo sát than*) và nhờ Huy viết Giấy chuyển nhượng đất giữa B và gia đình Dũng (*Thực chất là thuê đất, sau khi khai thác than xong sẽ trả lại đất cho Dũng. Tuy nhiên do sợ Dũng gây khó dễ nên B nên đã viết là Giấy chuyển nhượng*); Việc thuê đất chỉ xác định là khu vực nương của Dũng nên không đo đạc xác định diện tích cụ thể.

Sau khi thuê đất, B tìm người đầu tư, hợp tác để khai thác than. Khoảng đầu tháng 02/2020, B tình cờ gặp Vũ Văn A, sau khi nói chuyện làm quen biết A đã từng làm than, có kỹ thuật về khai thác than, B trao đổi về việc B có mỏ than và đề nghị A hợp tác cùng khai thác, A đồng ý. Sau đó, B và A cùng đến khu vực có thể khai thác than; sau khi xem xét vị trí đất sạt để lộ ra vỉa than, A trao đổi với B là than khai thác được nhưng phải có giấy phép khai thác. B và A thống nhất tiến hành khai thác nếu trữ lượng lớn sẽ làm thủ tục xin cấp phép (*việc khai thác than được mở mới từ đầu, trước đó chưa có ai khai thác*) và thỏa thuận: B có đất, có mỏ than và phải chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề liên quan đến đất đai, chính quyền địa phương, người dân và các điều kiện khác phục vụ cho việc khai thác; A có trách nhiệm đầu tư máy móc, thiết bị, thuê công nhân và trực tiếp chỉ đạo, điều hành việc khai thác than. Sau khi bán than trừ chi phí đầu tư còn lại lợi nhuận chia đôi (*tỷ lệ 50/50*).

Khoảng tháng 6/2019, B gặp và làm quen với Nguyễn Xương Khiêm và được biết Khiêm cũng từng làm về khai thác than cho Công ty xi măng Mai Sơn nên đã rủ Khiêm cùng khai thác than tại khu vực khai thác than của Công ty xi măng Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Khoảng tháng 7/2019, Khiêm đưa máy móc, thuê công nhân đến khai thác than từ các hầm lò mà Công ty xi măng Mai Sơn đã khai thác trước đó. Quá trình khai thác Khiêm vay, nợ tiền của một số người dân trú tại bản In, xã Tân Phong, huyện Phù Yên

Do mỏ không còn than, cuối năm 2019 Khiêm dừng khai thác, chở máy móc đi khỏi khu vực khai thác, nhưng do còn nợ tiền nên một số người dân bản In đã giữ máy móc gồm: Máy phát điện, máy nổ, máy bơm, máy tời, 02 thuyền sắt vận chuyển than, cuốc xẻng và một số đồ dùng khác để yêu cầu Khiêm trả tiền.

Tháng 02/2020, sau khi thống nhất với A về việc tổ chức khai thác than , để tạo mối quan hệ với người dân bản In và do cũng đang cần máy móc để khai thác than, B trao đổi, thống nhất với Khiêm là B sẽ đứng ra đàm phán trả tiền cho người dân thay Khiêm và lấy lại số máy móc của Khiêm cùng với số than Khiêm đã khai thác để tại bãi khai thác (*khoảng 30 tấn*);

Do có nhu cầu về máy móc phục vụ cho việc khai thác than nên đã B trao đổi với A và thống nhất A ứng tiền trả cho người dân bản In và lấy lại số máy móc của Khiêm để sử dụng khai thác than; sau đó A đã đưa cho B 160.000.000 đồng để B trực tiếp trả tiền cho người dân và nhận lại số máy móc của Khiêm để đưa lên khu vực mỏ than và tiến hành khai thác than. Thời gian đầu A nhờ Mạc Như Thiều là người thay A trực tiếp giám sát việc B trả tiền cho người dân và nhận lại máy móc, chỉ đạo việc sửa chữa đường ô tô lên khu khai thác, dựng lán trại và khai mở mỏ để tiến hành khai thác than. Sau khi mở đi vào hoạt động thì A trực tiếp chỉ đạo, điều hành công việc khai thác than còn Thiều là người giúp A theo dõi chấm công và hướng dẫn kỹ thuật khai thác than cho công nhân.

Để khai thác than thì phải có đường đi qua phần đất của Đinh Văn Điệp (*em trai Dũng*) và đất của Đinh Văn Hưng nên B tiếp tục nhờ Huy liên hệ với Điệp để thuê đất, sau khi thống nhất giá là 70.000.000 đồng, B đã đưa cho Huy 70.000.000 đồng để trả cho Điệp và viết hợp đồng chuyển nhượng đất giữa Điệp và B (*Hợp đồng chuyển nhượng do B giữ nhưng đã bị mất*). Đối với đất của Hưng thì B trực tiếp đến gặp và thỏa thuận trả cho Hưng là 5.000.000 đồng (*không làm giấy tờ*).

Từ đầu tháng 02/2020 đến cuối tháng 9/2020, Vũ Văn A đã thuê nhiều người ở các tỉnh Hải Dương, Quảng Ninh, Sơn La, Hòa Bình làm công, được A bố trí ăn nghỉ tại lán, được cấp phát công cụ và bảo hộ để sử dụng khai thác than.

Trong quá trình khai thác than, khoảng tháng 6/2020, việc khai thác vào sâu trong lòng đất, lấn sang phần đất của Đinh Văn Quang, nên Quang yêu cầu A phải bồi thường. Tiếp đó, Lâm Thị B cùng Nguyễn Văn Huy gặp Quang để thỏa thuận việc bồi thường, sau khi bàn bạc B nhất trí sẽ bồi thường cho Quang số tiền là 30.000.000 đồng, tuy nhiên B chưa trả tiền cho Quang.

Tháng 10/2020, Vũ Văn A gọi điện bảo B tìm thuê người nổ mìn để khai thác than, B đến Công ty TNHH Lực Bích, đặt vấn đề thuê ông Lực nổ mìn phá đá phục vụ thăm dò, khai thác than, nhưng khi đến khảo sát khu vực khai thác than, phát hiện không có Giấy phép khai thác nên ông Lực đã từ chối việc nổ mìn thuê. Khi ông Lực đến có chở theo một bao tải dứa nhưng khi về không thấy ông Lực mang về, nên B cho rằng ông Lực đã để lại vật liệu nổ tại lán công nhân; Sau khi từ quê lên, A thấy tại khu vực khai thác than có vật liệu nổ, nhưng không biết

do ai mang tới.

Trước khi tiến hành khai thác, A lấy vật liệu nổ (*kíp nổ lấy trong hòm sắt; thuốc nổ lấy trong thùng phi chôn sau lán do A quản lý*) giao cho người nổ mìn được phân công trong từng ca mang đến hầm khai thác, tiến hành khoan, nhồi thuốc nổ, kíp nổ, đấu nối với dây điện sau đó ra khỏi hầm, đóng cầu dao điện kích nổ, sau khi hết khói bụi thì công nhân vào trong hầm sử dụng cuốc, xẻng xúc than lên thuyền (*máng*) để máy tời kéo ra đổ trước cửa hầm để máy xúc, xúc lên xe ô tô vận chuyển đến bãi chứa than.

Những người tham gia cùng Vũ Văn A thực hiện công việc, cụ thể như sau:

Mạc Như Thiệu là người giúp A quản lý, hướng dẫn công nhân kỹ thuật khai thác than, sử dụng vật liệu nổ (*thời gian đầu Thiệu là người trực tiếp sử dụng vật liệu nổ, sau đó theo chỉ đạo của A, Thiệu hướng dẫn cho một số công nhân cách sử dụng vật liệu nổ để khai thác than*). Theo thỏa thuận sau khi khai thác, bán được than A sẽ trả tiền công cho Thiệu. Tuy nhiên, không thỏa thuận số tiền cụ thể, đến tháng 4/2020 do A không trả tiền công nên Thiệu nghỉ việc.

Đình Văn Ấn, là người được A thuê trông coi khu vực khai thác, cung cấp thực phẩm và nấu cơm cho công nhân, (*Khi ông Đình Văn Ấn ốm thì con trai là Đình Văn Thanh làm thay*); khi dừng việc khai thác than, nhưng A vẫn giao cho Ấn trông coi tài sản khu vực khai thác than và hứa vẫn trả tiền công 10.000.000 đồng/tháng theo thỏa thuận.

Quá trình khai thác than A đã trực tiếp thuê một số công nhân thực hiện việc vận hành máy móc, nổ mìn, xúc và vận chuyển than đến địa điểm tập kết gồm: Đình Văn Phiên, Mùi Văn Điệp, Đình Văn Vũ, Đình Văn Kiên, Cầm Văn Việt, Mùi Văn Mừng, Mùi Văn Chùng, Đình Quang Thắng, Lò Văn Tinh, Tông Văn Nhất, Tông Văn Thành, Lò Văn Ngọc, Lò Văn Thủy, Quảng Văn Hồng, Quảng Văn Sáng, Lò Văn Khay, Tông Văn Hỉnh, Quảng Văn Vui, Lò Văn Xuân, Đình Văn Tuấn, Phàng A Dền, Vi Văn Tuyền, Nguyễn Xuân Duy, Quảng Văn Thanh, Trương Văn Dũng, Mùi Văn Huân, Đình Văn Quê, Nguyễn Văn Huân, Bùi Văn Biền, Đình Văn Thảo, Bùi Văn Chung, Đình Văn Thảo, Lương Văn Thịnh

Cuối tháng 9/2020, số than A khai thác được chất thành đống, để tại ba vị trí tại khu vực cửa hầm lò một đống than có khối lượng là 122,93 m³; khu vực lán công nhân có khối lượng 636,09 m³; khu vực bãi chứa cạnh bờ sông Đà một có khối lượng 113,84 m³. Tổng 03 đống than có khối lượng 872,86 m³ than. Do than khai thác chưa bán được nên A cho dừng khai thác, rời khỏi bãi khai thác và giao cho ông Đình Văn Ấn trông coi, quản lý khu vực khai thác chờ A quay lại. Một số công nhân làm thuê ở lại đợi A về thanh toán tiền công, tuy nhiên không thấy

A quay lại nên họ cũng bỏ về.

Cáo trạng số 146/CTr-VKS-P1 ngày 25/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Vũ Văn A về tội *Tàng trữ trái phép vật liệu nổ* quy định tại điểm a khoản 3 Điều 305 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Lâm Thị B và Vũ Văn A về tội *Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

*** *Tại phiên tòa sơ thẩm:***

Các bị cáo Vũ Văn A, Lâm Thị B thừa nhận hành vi vi phạm quy định về khai thác tài nguyên như Cáo trạng đã truy tố.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép vật liệu nổ, Vũ Văn A thừa nhận quá trình khai thác than có sử dụng thuốc nổ để nổ mìn nhưng bị cáo cho rằng nguồn gốc số thuốc nổ tại công trường không biết của ai, do đó bị cáo không thừa nhận việc tàng trữ trái phép vật liệu nổ.

*** *Tranh luận tại phiên tòa:***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Lâm Thị B và Vũ Văn A phạm tội *Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*; Vũ Văn A phạm tội *Tàng trữ trái phép vật liệu nổ*.

- Về hình phạt chính:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 305, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn A từ 5 đến 6 năm tù về tội *Tàng trữ trái phép vật liệu nổ*.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn A từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội *Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội đối với bị cáo Vũ Văn A từ 7 năm đến 8 năm 6 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lâm Thị B 36 tháng tù về tội *Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*, nhưng đề nghị cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu để nộp vào Ngân sách Nhà nước: 783,82 (*Bảy trăm tám ba phẩy*

tám hai) tấn than cám 3c; 01 ô tô tải 6,2 tấn, nhãn hiệu HOAMAI, màu xanh, BKS 23C- 030.37; 01 máy xúc hiệu VOLVO EC55B, màu vàng không biển kiểm soát; 01 thùng kim loại hình hộp chữ nhật màu đen; 02 thùng phuy nhựa màu xanh; 01 cuộn dây điện; 01 máy đục bê tông màu đỏ đen; 04 máy khoan; 18 mũi khoan xoắn bằng sắt; 02 hệ thống tời; 02 máy nổ và bộ phát điện; 02 thùng bằng sắt dạng thuyền.

+ Tịch thu để tiêu huỷ: 01 thùng cát tông bên trong có 09 (chín) mẫu than thu tại hiện trường (trích lại từ mẫu giám định).

+ Giao cho Công an tỉnh Sơn La xử lý các vật chứng gồm: Số vật liệu nổ: 810 kíp nổ điện; 35kg thuốc nổ; 07 đoạn dây điện.

+ Trả lại cho bị cáo Vũ Văn A: 01 điện thoại NOKIA; 01 căn cước công dân; 01 đăng ký mô tô, xe máy; 01 giấy phép lái xe đều mang tên Vũ Văn A và 01 thẻ sim điện thoại.

- Về án phí: Buộc các bị cáo Vũ Văn A, Lâm Thị B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn A - Luật sư Lê Anh Ngọc gửi bản luận cứ với nội dung: Về tội Tàng trữ trái phép vật liệu nổ: Trong vụ án liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau, các lời khai còn nhiều mâu thuẫn, cơ quan điều tra xác định bị cáo Vũ Văn A phạm tội Tàng trữ trái phép vật liệu nổ là không khách quan, toàn diện, bởi lẽ Cơ quan tố tụng trong vụ án này chưa làm rõ được nguồn gốc vật liệu nổ có từ đâu, ai mua bán, ai vận chuyển, ai là người tạo nên các công cụ tàng trữ; ngoài ra vật liệu nổ thu giữ tại khu đất không thuộc quản lý của bị cáo, nên không thể quy kết tội tàng trữ trái phép vật liệu nổ trái phép cho bị cáo; Cơ quan điều tra có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm trong vụ án này. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, làm rõ. Đối với hành vi khai thác trái phép tài nguyên của Vũ Văn A, Luật sư nhất trí với Cáo trạng quy kết và đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Vũ Văn A nhất trí với quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Lâm Thị B nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thủy nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên tranh luận, đối đáp với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn A: Việc truy tố bị cáo Vũ Văn A về các tội Tàng trữ trái phép vật liệu nổ theo điểm a khoản 3 Điều 305 là có căn cứ bởi lẽ: Bị cáo là người quản lý toàn bộ

công trường, chỉ đạo việc khai thác và thường xuyên sử dụng thuốc nổ để nổ mìn do đó Viện kiểm sát truy tố Vũ Văn A về tội Tàng trữ trái phép vật liệu nổ là đúng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, không oan sai; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo Lâm Thị B và Vũ Văn A đã liên kết thực hiện khai thác 783,82 tấn than khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép; hành vi đó đã cấu thành tội vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò khai thác tài nguyên, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 227 Bộ luật Hình sự. Hành vi khai thác tài nguyên trái phép của các bị cáo đã xâm phạm vào quy định của Nhà nước về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên trong đất liền của Việt Nam; do đó các bị cáo sẽ phải bị xử lý thích đáng nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung

Hành vi phạm tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên của các bị cáo được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau:

Lời khai của các bị cáo A, B trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều thừa nhận: Đã liên kết với nhau để khai thác than tại khu đất của ông Đinh Văn Dũng thuộc khu vực đồi Phu Mỏ, thuộc bản In, xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Mặc dù không được Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác tài nguyên.

Biên bản kiểm tra ngày 01/11/2020, của Tổ công tác Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Sơn La phối hợp với Công an huyện Phù Yên, Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La phát hiện tại khu vực đồi thuộc bản In, xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La có 01 khu vực khai thác than trái phép. Tại hiện trường thu giữ được 03 đồng than; phương tiện vận chuyển, khai thác và nhiều thiết bị, công cụ, dụng cụ phục vụ cho việc khai thác than.

Công văn trả lời số 3583/STNMT-TNN,KS&KTTV ngày 24/11/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La: “*Trên địa bàn bản In, xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La không có tổ chức, cá nhân nào được Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp giấy phép khai thác khoáng sản (than)*”.

Kết luận giám định ngày 23/12/2020 của Tổ Giám định viên, Bộ Tài nguyên và Môi trường, kết luận: *03 đồng khoáng sản thuộc loại than cám 3c; Tổng thể tích là 872,86 m³; tổng trọng lượng là 1.344,20 tấn*. Văn bản đính chính ngày 19/5/2021 của Tổ Giám định viên, Bộ Tài nguyên và Môi trường đính chính kết luận về trọng lượng 03 đồng than là 783,82 tấn (do kết luận giám định trước chưa xem xét đầy đủ các chỉ số liên quan đến xác định tỉ trọng của than).

Kết luận định giá số 10/KL-HĐĐG ngày 16/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Sơn La, kết luận: *Than cám 3c có giá 2.237.760 đồng/tấn (Hai triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi đồng/tấn). Tổng trọng lượng tài sản định giá 783,82 tấn (03 đồng). Giá trị tài sản định giá trong tố tụng là 783,82 tấn x 2.237.760 đồng/tấn = 1.754.001.043 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi tư triệu không trăm linh một nghìn không trăm bốn mươi ba đồng)*.

Lời khai của những người làm chứng: Đinh Văn Dũng thừa nhận đã thoả thuận, cho Lâm Thị B thuê đất của gia đình Dũng để B sử dụng vào mục đích khai thác than; Lời khai của ông Đinh Văn Ấn thừa nhận là người được A thuê trông coi khu vực khai thác, nấu cơm cho công nhân và những người làm chứng khác được Vũ Văn A thuê tham gia một trong các công đoạn của quá trình khai thác than với mục đích hưởng tiền công theo thoả thuận.

Bị cáo Vũ Văn A là người trực tiếp quản lý toàn bộ công trường và chỉ đạo việc khai thác và quá trình khai thác có sử dụng vật liệu nổ, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm về 35 kg thuốc nổ thu tại hiện trường; hành vi đó đã cấu thành tội tàng trữ trái phép vật liệu nổ, quy định tại Điều 305 Bộ luật Hình sự. Hành vi tàng trữ trái phép thuốc nổ của bị cáo đã xâm phạm vào quy định độc quyền của Nhà nước về chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán và quản lý các vật liệu nổ; vật liệu nổ là vật liệu có đặc tính nguy hiểm cao, có khả năng gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe con người, do đó bị cáo cần phải bị xử lý thích đáng nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Hành vi Tàng trữ trái phép vật liệu nổ của bị cáo Vũ Văn A được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, Vũ Văn A thừa nhận đã nhiều lần cung cấp thuốc nổ, kíp nổ để công nhân nổ mìn khai thác than trái phép, nhưng không biết nguồn gốc của số vật liệu nổ

Biên bản kiểm tra ngày 01/11/2020, của Tổ công tác Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Sơn La phối hợp với Công an huyện Phù Yên, Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La phát hiện tại khu vực khai thác than trái phép do Vũ Văn A quản lý, thu giữ được 35 kg thuốc nổ Amonit; 810 kíp nổ điện vỏ nhôm được đựng trong hòm sắt, thùng phuy có khoá, A là người giữ chìa khoá.

Kết luận giám định số: 8730/C09-P2 ngày 03/12/2020, của Viện khoa học hình sự (C09) - Bộ Công an, kết luận: *Mẫu vật ký hiệu T1 và T2 gửi giám định đều là thuốc nổ công nghiệp Amônít. Thuốc nổ công nghiệp Amônít thường được dùng trong khai khoáng, mở đường... Mẫu vật ký hiệu M1 và M2 gửi giám định đều là kíp nổ điện vỏ nhôm, kíp nổ có tác dụng kích thuốc nổ.*

Kết luận giám định số 2444/C09-P2 ngày 26/3/2021, của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an, kết luận: *Mẫu gửi giám định đều là dây cuống kíp; Cùng loại với dây cuống kíp của mẫu M1 (kíp nổ điện K8).*

Công văn trả lời số 1879/SCT-QLCN ngày 20/11/2020 của Sở Công thương tỉnh Sơn La xác định: *“Hiện nay, không có đơn vị nào được Sở Công thương cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại khu vực bản In, xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La”.*

Lời khai của những người làm chứng: Quàng Văn Thanh, Trương Văn Dũng, Mùi Văn Huân, Đinh Văn Quê thừa nhận: Quá trình khai thác than sâu vào lòng đất, Vũ Văn A đã cung cấp thuốc nổ, kíp nổ cho Thanh, Dũng, Huân, Quê trực tiếp nổ mìn để khai thác than trái phép.

Quá trình điều tra, đã tiến hành xác minh, lấy lời khai, tiến hành đối chất giữa những người có liên quan, nhưng không có cơ sở xác định được nguồn gốc của số vật liệu nổ thu giữ tại hiện trường, nên A phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với 35 kg thuốc nổ Amonit và 810 kíp nổ điện vỏ nhôm.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Các bị cáo Lâm Thị B và Vũ Văn A đã có hành vi khai thác trái phép 783,82 tấn than 3c, trị giá 1.754.001.043 đồng, vi phạm tình tiết định khung *“Khoáng sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên”* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Bị cáo Vũ Văn A đã có hành vi tàng trữ 35 kg thuốc nổ Amonit và 810 kíp nổ điện vỏ nhôm, vi phạm tình tiết định khung *“Thuốc nổ các loại từ 30 kilôgam đến dưới 100 kilôgam”* quy định tại điểm a khoản 3 Điều 305 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo:

Đối với hành vi vi phạm quy định về khai thác tài nguyên: Các bị cáo liên kết cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng hành vi thực hiện là riêng biệt và cũng chịu trách nhiệm riêng biệt về hành vi của từng bị cáo; do đó các bị cáo tuy có cùng thực hiện hành vi vi phạm quy định về khai thác tài nguyên nhưng là đồng phạm giản đơn.

Bị cáo Lâm Thị B là người khởi xướng, tuy không trực tiếp tham gia khai thác than trái phép, nhưng là người chuẩn bị các điều kiện thuận lợi khác để đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội, do đó bị cáo phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn đồng phạm;

Bị cáo Vũ Văn A tuy bị rủ rê nhưng là người trực tiếp quản lý, điều hành, thực hành tích cực trong việc khai thác trái phép tài nguyên, do đó bị cáo cũng phải chịu hình phạt tương xứng.

Đối với tội tàng trữ trái phép vật liệu nổ: Bị cáo Vũ Văn A là người quản lý toàn bộ khu vực lán trại công trường và quá trình khai thác than, bị cáo đã trực tiếp giao thuốc nổ cho một số công nhân thực hiện việc nổ mìn, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với vật liệu nổ thu giữ trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Vũ Văn A, Lâm Thị B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Văn A, Lâm Thị B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc vi phạm quy định khai thác tài nguyên; trước khi xét xử các bị cáo tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả hành vi khai thác trái phép tài nguyên; bị cáo Lâm Thị B có mẹ chồng được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng và anh chồng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo Vũ Văn A có bố đẻ là thương binh hạng 3/4, có mẹ đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước; do đó các bị cáo sẽ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt:

Bị cáo Lâm Thị B có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo được xác nhận là luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân nơi cư trú; do đó, tuy vẫn áp dụng hình phạt tù nhưng không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội và có thể xem xét cho bị cáo được

hưởng án treo, với thời gian thử thách phù hợp là đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa

Trước khi xét xử bị cáo Lâm Thị B đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/7/2021 đến ngày 12/11/2021, trường hợp bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách hoặc cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên và bị Tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, thì thời gian tạm giữ, tạm giam đó sẽ được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Bị cáo Vũ Văn A, tuy cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng bị cáo phạm hai tội và thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, do đó cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian cải tạo giáo dục trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo phạm tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên nhằm trục lợi, do đó, ngoài hình phạt tù, các bị cáo sẽ phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, theo quy định tại khoản 3 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Vũ Văn A phạm tội tàng trữ trái phép vật liệu nổ; ngoài hình phạt tù, bị cáo có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, theo quy định tại khoản 5 Điều 305 Bộ luật Hình sự, nhưng xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, do đó có thể miễn hình phạt bổ sung sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về các đối tượng có liên quan trong vụ án:

Đối với Đinh Văn Dũng là người cho Lâm Thị B thuê đất nương của gia đình để khai thác than. Dũng không tham gia trong việc khai thác than; không biết việc B, A khai thác than là trái phép, nên không có căn cứ xem xét, xử lý.

Đối với Nguyễn Văn Huy là cán bộ trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia giúp Lâm Thị B trong việc thỏa thuận, thuê đất của một số đối tượng; nhưng không được bàn bạc, tham gia tổ chức khai thác và cũng không biết việc B, A khai thác than có được cấp phép hay không, nên không có căn cứ xem xét, xử lý.

Đối với Mạc Như Thiệu là người giúp A hướng dẫn công nhân kỹ thuật khai thác than, sử dụng vật liệu nổ (*thời gian đầu Thiệu là người trực tiếp sử dụng vật liệu nổ, sau đó theo chỉ đạo của A, Thiệu hướng dẫn cho một số công nhân cách sử dụng vật liệu nổ để khai thác than*). Theo thỏa thuận sau khi khai thác, bán được than A sẽ trả tiền công cho Thiệu (*không nói rõ là bao nhiêu*); Cơ quan

điều tra đã tiến hành xác minh, hiện Thiếu không có mặt tại địa phương. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý Mạc Như Thiếu sau.

Về nguồn gốc số vật liệu nổ đã thu giữ (*35kg thuốc nổ Amonít và 810 kíp nổ điện vỏ nhôm*), quá trình điều tra Vũ Văn A khai không biết do ai mang đến. Do vậy, Cơ quan An ninh điều tra không xác định được nguồn gốc vật liệu nổ.

Đối với số công nhân đã được Vũ Văn A giao trực tiếp sử dụng vật liệu nổ gồm: Mạc Như Thiếu, Quàng Văn Thanh, Mùi Văn Huân, Đinh Văn Quê, Trương Văn Dũng, kết quả điều tra có đủ cơ sở xác định trong quá trình làm thuê khai thác than, các trường hợp trên đã được A giao vật liệu nổ để sử dụng trái phép. Tuy nhiên, quá trình điều tra Vũ Văn A chỉ thừa nhận giao vật liệu nổ cho Đinh Văn Quê sử dụng hai (02) lần, đối với các trường hợp khác A không thừa nhận; không có căn cứ xác định số lượng, chủng loại vật liệu nổ từng đối tượng đã sử dụng trái phép; không giám định, kết luận được đối với số vật liệu nổ đã sử dụng; người làm thuê cho không biết việc A sử dụng vật liệu nổ là trái phép; do đó, không đủ căn cứ xem xét, xử lý đối với số người này về tội “*Sử dụng trái phép vật liệu nổ*”.

Đối với số công nhân làm thuê, khai thác than cho Vũ Văn A đều không biết được việc khai thác than là trái phép; những người này là lao động làm thuê để hưởng tiền công; không được tham gia bàn bạc, trao đổi, cùng góp vốn, công cụ phương tiện hay được hưởng lợi từ việc khai thác than trái phép; không xác định được số lượng than từng người đã khai thác; do đó, không cấu thành tội phạm (*không đồng phạm với Vũ Văn A về hành vi khai thác khoáng sản trái phép*). Nên không xem xét trách nhiệm hình sự về tội “*Vi phạm các quy định về khai thác tài nguyên*”.

Về hành vi thác than trái phép của Nguyễn Xương Khiêm và Lâm Thị B tại khu vực khai thác than của Công ty xi măng Mai Sơn. Kết quả điều tra không xác định được số lượng than các đối tượng đã khai thác (*B và Khiêm khai đã vét lại từ hầm khai thác cũ được khoảng 30m³ than, để trước cửa hầm, nhưng xác minh tại khu vực khai thác của Công ty xi măng Mai Sơn, không xác định được vị trí hầm khai thác, không có than để tại khu vực này*). Mặt khác, với số lượng 30m³ than được khai thác lại tại khu vực khai thác than của Công ty xi măng Mai Sơn cũng không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy, không xem xét, xử lý đối với Nguyễn Xương Khiêm về tội “*Vi phạm các quy định về khai thác tài nguyên*”.

Đối với Đinh Bá Lực, là người đã ký hợp đồng đồng nguyên tắc về việc sử dụng vật liệu nổ giữa Lâm Thị B nhưng khi đến kiểm tra thấy việc khai thác là

trái phép nên Lực đã không thực hiện hợp đồng, do đó, cũng không có căn cứ xác định ông Lực đã để lại vật liệu nổ tại lán khai thác than của A nên không có căn cứ xem xét, xử lý.

Ngoài 783,82 tấn than thu giữ trong vụ án, Bùi Văn Biển, Đinh Văn Thảo khai A đã đưa xuống tàu để bán kiếm lời 260 tấn than. Nhưng A không thừa nhận, ngoài lời khai của Biển và Thảo, không xác định được người mua, thời điểm mua bán than, không thu giữ được vật chứng, cũng như không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có cơ sở buộc A, B phải chịu trách nhiệm về số than này.

[8] Về vật chứng:

Đối với số than bị thu giữ trong vụ án là nguồn tài nguyên đã bị các bị cáo khai thác trái phép cần tịch thu để nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 máy xúc hiệu VOLVO EC55B màu vàng, không có Biển kiểm soát; 01 xe ô tô nhãn hiệu Hoa Mai màu xanh, Biển kiểm soát 23C- 030.37; 01 thùng kim loại hình hộp chữ nhật màu đen; 02 thùng phuy nhựa màu xanh; 01 cuộn dây điện; 01 máy đục bê tông màu đỏ đen; 04 máy khoan; 18 mũi khoan xoắn bằng sắt; 02 hệ thống tời; 02 máy nổ và bộ phát điện; 02 thùng bằng sắt dạng thuyền, đều là những công cụ bị cáo Vũ Văn A đã sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu để nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với 02 quyển sổ có nhãn hiệu “Notebook” và “Genius” thu giữ tại hiện trường; 01 quyển sổ bìa cứng màu đen thu giữ của Bùi Văn Biển đã được đưa vào hồ sơ vụ án.

Đối với 01 thùng cát tông bên trong có 09 (*chín*) mẫu than thu tại hiện trường (*trích lại từ mẫu giám định*) xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với số vật liệu nổ gồm: 810 kíp nổ điện (*750 kíp nổ điện K8; 60 kíp nổ điện Vi sai*); 35kg thuốc nổ; 07 đoạn dây điện (*04 đoạn màu đỏ; 03 đoạn màu vàng*) cần giao cho Cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

[9] Về án phí: Các bị cáo Vũ Văn A, Lâm Thị B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Căn cứ Điều 227 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố các bị cáo Lâm Thị B, Vũ Văn A phạm tội Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên.

Căn cứ Điều 305 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn A phạm tội Tàng trữ trái phép vật liệu nổ.

2. Về hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn A 02 (Hai) năm tù.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 305 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn A 07 (Bảy) năm tù.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Vũ Văn A phải chịu hình phạt chung là 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lâm Thị B 3 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách là 05 (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 06/01/2022.

Giao bị cáo Lâm Thị B cho Ủy ban nhân dân thị trấn nông trường Liên Sơn, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 227 Bộ luật Hình sự phạt tiền đối với bị cáo Lâm Thị B và bị cáo Vũ Văn A, mỗi bị cáo 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn) Lâm Thị B được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tại biên lai số 01503 ngày 04/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La; Vũ Văn A được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn) tại biên lai số 01504 ngày 04/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

4. Về vật chứng: Căn cứ các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu để nộp vào Ngân sách Nhà nước:

+ 783,82 (bảy trăm tám mươi ba phẩy tám hai) tấn than cám 3c (trọng lượng 783,82 tấn than cám 3c được xác định tại thời điểm giám định ngày 23/12/2020 và văn bản đính chính khối lượng ngày 19/5/2021 của Tổng cục địa

chất khoáng sản Việt Nam, về việc đình chính kết luận giám định tư pháp, theo Quyết định trưng cầu giám định số 482/QĐ-ANDT ngày 23/12/2020 của Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Sơn La, về việc Quyết định trưng cầu giám định). Tại hiện trường được tập kết thành 03 đồng than, với đặc điểm 03 đồng than hình chóp kiểu mái nhà, được đặt tại các vị trí tả luy âm và trên núi dốc cao để lâu ngày, do mưa nhiều nên một số lượng than đã trôi tự nhiên theo độ dốc xuống sông và khe rãnh của núi, không còn nguyên trạng ban đầu, không xác định được khối lượng trôi là bao nhiêu. Tại thời điểm giao nhận ba bên không tiến hành đo đạc, xác định trọng lượng. (Vật chứng nhận tại hiện trường, địa phận bản In, xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La).

+ 01 (một) máy xúc hiệu VOLOEC55B màu vàng sản xuất năm 2008, xuất xứ Hàn Quốc, không biển kiểm soát, không chìa khóa, xe đã qua sử dụng.

+ 01 (một) chiếc ô tô tải 6,2 tấn, nhãn hiệu HOAMAI, màu xanh, BKS 23C-030.37. Xe không có chìa khóa, xe ô tô đã qua sử dụng.

+ 01 (một) chiếc thùng bằng sắt dạng thuyền, kích thước dài 1,65m, cao 40 cm; chiều rộng nhất 46cm, chiều bé nhất 30 cm, đầu to nhất được hàn bằng 01 móc bằng sắt, đầu bé nhất được hàn bằng 01 móc bằng sắt, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) chiếc thùng bằng sắt dạng thuyền, kích thước dài 1,65m, cao 40cm; chiều rộng nhất 46cm, chiều bé nhất 36cm, đầu to nhất được hàn bằng 01 móc bằng sắt, đầu bé nhất được hàn bằng 01 móc bằng sắt, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) chiếc thùng hình chữ nhật bằng kim loại, màu đen, bạc kích thước (01,2 x 0,6 x 0,5)m, đỉnh thùng có nắp đậy bằng kim loại, đáy thùng có một tấm gỗ hình chữ nhật, kích thước (0,54 x 0,55 x 0,06)m, được đóng bằng 06 thanh gỗ nằm dọc với 02 thanh gỗ nằm ngang + ổ khóa màu đen trên có chữ Việt Tiệp.

+ 01 (một) chiếc thùng phuy nhựa màu xanh, cao 0,93m, đường kính 0,58m, bị cắt rời khoảng 1/3 tạo thành nắp đậy bán nguyệt, được gắn 02 bản lề + ổ khóa màu vàng trên ổ khóa có chữ NHẬT.

+ 01 (một) chiếc thùng phuy nhựa màu xanh, cao 0,93m, đường kính 0,58m, thành thùng in chữ SORBTOL, 70% SOLUTION, bị cắt rời xung quanh tạo thành nắp đậy được khóa bằng ổ khóa màu vàng trên ổ khóa có chữ VIỆT NHẬT.

+ 01 (một) cuộn dây điện (*loại 02 dây, có một dây màu xanh, một dây màu trắng*) dài 25m.

+ 01 (một) chiếc máy đục bê tông màu đỏ, đen, có 02 tay cầm, nhãn hiệu GEOX, ký hiệu GL6501 có gắn một mũi đục bằng sắt, hình thoi nhọn có 04 cạnh, có dây cầm điện màu đen dài 1,9m đã qua sử dụng.

+ 01 (một) chiếc máy khoan màu đen, có 01 tay cầm, không có nhãn hiệu có gắn một mũi khoan bằng sắt hình xoắn dài 1m, có dây cắm điện màu đen dài 2,1m tại vị trí khoảng 1/3 dây có cuốn băng dính màu đen, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) chiếc máy khoan màu đen, có 02 tay cầm, không có nhãn hiệu, có gắn một mũi khoan bằng sắt hình xoắn dài 1m, có dây cắm điện màu đen dài 2,3m, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) chiếc máy khoan màu đen, có 02 tay cầm, không có nhãn hiệu, không gắn mũi khoan, có dây cắm điện màu đen dài 2,5m, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) chiếc máy khoan màu đỏ, đen, xám, có 02 tay cầm, nhãn hiệu AMA, không có mũi khoan, có dây cắm điện dài 2,3m, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) chiếc máy nổ và bộ phát điện, trên máy nổ có số ZL2005 300 120 895 QUANCHAI, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) chiếc máy nổ và bộ phát điện, trên máy nổ có số ZL2005 300 120 895, đã qua sử dụng.

+ 08 (tám) chiếc mũi khoan xoắn bằng sắt, mỗi chiếc dài 1,2m, đã qua sử dụng.

+ 10 (mười) chiếc mũi khoan bằng sắt xoắn, mỗi chiếc dài 1m, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) hệ thống tời và máy nổ được gắn trên khung kim loại kích thước (2,76 x 0,82) m bộ tời không có ký hiệu, được cuốn bằng dây kim loại, máy nổ có ký hiệu ZS1115A, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) hệ thống tời gắn trên khung kim loại kích thước (0,9 x 2,5)m gồm bộ tời không có cáp tời và máy nổ không có ký hiệu, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Vũ Văn A:

+ 01 (một) căn cước công dân mang tên Vũ Văn A, sinh ngày 14/11/1976; số: 031076006684, cấp ngày 19/6/2018, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

+ 01 (một) đăng ký mô tô, xe máy biển kiểm soát: 16L3 – 2682 mang tên Lê Thị Hường, nơi ĐKNK Thường trú: Thôn 4, Bắc Sơn, An Dương, Hải Phòng. Số: 0192024, cấp ngày 01/3/2005. Nơi cấp: Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng.

+ 01 (một) giấy phép lái xe ô tô mang tên Vũ Văn A, sinh này 14/11/1976. Số 300206003215, cấp ngày 12/5/2020. Nơi cấp: Sở Giao thông vận tải tỉnh Hải Dương.

+ 01 (một) thẻ sim điện thoại Viettel, trên sim có các số

8984048000318904377

+ 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số Imel: 354303/04/390600/7. Máy cũ, đã qua sử dụng. Trong điện thoại được lắp 01 (một) Sim điện thoại Viettel, số trên Sim: 8984048000318904357.

- Tịch thu để tiêu hủy:

+ 01 (một) chiếc hộp bằng bìa cát tông còn niêm phong, một mặt hộp ghi: 09 mẫu than thu lại hiện trường phục vụ công tác giám định; bên trong hộp có 09 (chín) mẫu than. Tại mép giáp lai có dán 02 giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La, trên giấy niêm phong có số 015176, 015177 cùng dòng chữ ký, họ và tên của Mai Trọng Tư, Phạm Ngọc Chi, Nguyễn Quốc Thịnh, Vũ Mạnh Hào.

- Giao cho Công an tỉnh Sơn La xử lý:

+ 01 (một) hộp vật chứng bằng bìa cát tông màu nâu có dòng chữ: “Công ty 19/5 - Bộ Công an, chi nhánh Chiến Thắng” còn nguyên niêm phong, một mặt hộp ghi: “Vật chứng vụ việc có dấu hiệu của tội phạm “Tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ” xảy ra tại bản In, xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, ngày 01/11/2020”; bên trong có các thỏi hình trụ màu nâu nghi là thuốc nổ được để trong các túi nilon trong suốt. Tổng trọng lượng 34,67 kg (Theo kết luận giám định số 8730/C09-P2 ngày 03/12/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an mẫu T1 và T2 = 34,67 kg là thuốc nổ công nghiệp A mô nít thường được dùng trong khai khoáng, mở đường).

+ 01 (một) hộp bìa cát tông bên ngoài có dòng chữ “OMO MATIC nước giặt” còn nguyên niêm phong, một mặt hộp ghi: “Vật chứng vụ án “Tàng trữ trái phép vật liệu nổ” xảy ra ngày 01/11/2020 tại bản In, xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, ngày”. Bên trong hộp có 804 kíp nổ điện (gồm 747 (bảy trăm bốn mươi bảy) kíp nổ điện, màu bạc, đường kính 0,5 cm, dài 4,6 cm, ở đầu có nối với hai dây điện (màu đỏ và vàng), mỗi dây điện dài 02m và 57 (năm mươi bảy) kíp nổ điện màu bạc, đường kính 0,6 cm, dài 06 cm, ở đầu có nối với hai dây điện (màu đỏ và xanh), mỗi dây điện dài 4,5m) tất cả được để trong các túi nilon và hộp bìa cát tông (Theo kết luận giám định số 8730/C09-P2 ngày 03/12/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an mẫu M1 và M2 là kíp nổ điện vỏ nhôm, kíp nổ có tác dụng kích nổ thuốc nổ).

+ 01 (một) hộp bìa cát tông màu xanh, còn nguyên niêm phong, một mặt hộp ghi: “Vật chứng vụ việc có dấu hiệu của tội phạm “Tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ” xảy ra tại bản In, xã Tân Phong, Huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La ngày 01/11/2020; bên trong gồm 02 thỏi thuốc nổ công nghiệp Amonit” được để trong 02 túi nilon trong suốt.

+ 01 (một) hộp bìa cát tông màu xanh, còn nguyên niêm phong, một mặt hộp

ghi: “Tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ” xảy ra tại bản In, xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La ngày 01/11/2020; bên trong gồm 02 kíp nổ điện vô nhôm”.

+ 01 (một) phong bì thư màu trắng do Viện Khoa học hình sự Bộ Công an phát hành còn nguyên niêm phong, mặt trước bì thư có ghi: “Đối tượng hoàn trả sau giám định theo Kết luận giám định số 2444/C09-P2, ngày 01/4/2021 của Viện KHHs. Bên trong có: 02 (hai) kíp nổ điện (ký hiệu M1). Bên trong phong bì có 02 (hai) kíp nổ điện, mỗi kíp có đường kính 0,5 cm, đầu có gắn hai dây điện (màu đỏ và màu vàng) dài 02 m (ký hiệu M1); 02 (hai) kíp nổ điện, mỗi kíp có đường kính 0,5 cm, dài 4,6 cm, đầu có gắn hai dây điện (màu đỏ và màu xanh) dài 4,5 m (ký hiệu M2); 08 (tám) đoạn dây điện (ký hiệu A1)”: (gồm 04 (bốn) đoạn dây điện, loại dây một sợi, vỏ nhựa màu đỏ; Vật chứng ban đầu 03 đoạn dây điện màu vàng (Theo biên bản đóng gói niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định ngày 01/4/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, tổng số 04 (bốn) đoạn dây điện màu vàng, do một đoạn dây đã bị cắt ra làm 02), loại dây một sợi, vỏ nhựa màu vàng).

Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa Cơ quan an ninh điều tra, Công an tỉnh Sơn La và Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc các bị cáo Vũ Văn A, Lâm Thị B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) tại biên lai số 01502 ngày 04/01/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 06/01/2022.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Phòng PC04 - Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- Phòng KTNV&THA;
- Ủy ban nhân dân thị trấn nông trường Liên Sơn,
huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Văn Tuyên